

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 29

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 ("Công ty"), tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 789/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ và chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103000613 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 24 tháng 9 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại số 601 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hidekazu Yokote	Chủ tịch	
Ông Kenji Takahashi	Thành viên	
Bà Trần Thị Thanh Hương	Thành viên	
Ông Akihisa Ono	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2016
		bổ nhiệm lại ngày 20 tháng 9 năm 2016
Ông Lê Việt Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2016
Ông Đoàn Minh Thư	Thành viên	miễn nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2016
Ông Võ Thanh Tùng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Châu Oanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Thái Lang	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2016
Ông Trần Hữu Hiệp	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2016
Bà Dương Thị Thủy Linh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Trung Thiện	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Tấn Lộc	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2016
Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hidekazu Yokote	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Châu Oanh	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2016
Ông Đoàn Minh Thư	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kenji Takahashi	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Hidekazu Yokote	bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Châu Oanh	miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Hidekazu Yokote
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61085348/18591943

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 ("Công ty") được lập ngày 15 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Huỳnh Phát An
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3168-2015-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		95.072.444.184	75.727.143.057
110	I. Tiền	4	28.593.116.383	14.632.461.803
111	1. Tiền		11.532.199.716	14.632.461.803
112	2. Các khoản tương đương tiền		17.060.916.667	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		29.076.697.529	23.827.386.442
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	29.229.952.227	24.604.478.408
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.392.270.400	116.150.500
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	888.025.350	867.900.451
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.433.550.448)	(1.761.142.917)
140	III. Hàng tồn kho	7	37.173.901.408	37.026.261.771
141	1. Hàng tồn kho		37.822.346.861	37.274.635.247
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(648.445.453)	(248.373.476)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		228.728.864	241.033.041
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		164.554.437	182.484.111
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		64.174.427	48.430.930
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	10.118.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		51.947.976.523	61.754.137.074
210	I. Phải thu dài hạn		27.000.000	27.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		27.000.000	27.000.000
220	II. Tài sản cố định		51.169.020.025	58.831.577.892
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	47.409.058.816	52.724.410.701
222	Nguyên giá		116.641.184.932	116.414.786.892
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(69.232.126.116)	(63.690.376.191)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	3.759.961.209	6.107.167.191
228	Nguyên giá		4.333.910.979	7.561.413.979
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(573.949.770)	(1.454.246.788)
230	III. Bất động sản đầu tư	10	348.767.800	353.021.065
231	1. Nguyên giá		3.667.884.100	5.901.321.000
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(3.319.116.300)	(5.548.299.935)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		269.500.000	1.532.300.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		269.500.000	1.532.300.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	68.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	68.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		133.688.698	942.238.117
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		111.605.149	900.413.213
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.2	22.083.549	41.824.904
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		147.020.420.707	137.481.280.131

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		15.920.387.490	18.475.399.005
310	I. Nợ ngắn hạn		15.707.978.023	18.219.895.210
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11.1	5.327.672.023	2.700.530.067
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11.2	2.812.433.647	245.003.417
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.562.634.999	1.869.331.354
314	4. Phải trả người lao động		1.531.084.200	7.157.644
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	904.457.759	699.815.577
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	1.152.540.040	446.051.280
320	7. Vay ngắn hạn	15	-	11.226.179.023
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.417.155.355	1.025.826.848
330	II. Nợ dài hạn		212.409.467	255.503.795
337	1. Phải trả dài hạn khác		10.000.000	
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		202.409.467	255.503.795
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		131.100.033.217	119.005.881.126
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.1	131.100.033.217	119.005.881.126
411	1. Vốn cổ phần		46.500.000.000	46.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		46.500.000.000	46.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.195.000.000	24.195.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		16.764.891.832	14.443.195.585
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		43.640.141.385	33.867.685.541
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		22.053.635.039	18.389.710.564
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		21.586.506.346	15.477.974.977
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		147.020.420.707	137.481.280.131

Lê Quý Tân
Người lập

Cao Trí Dũng
Kế toán trưởng

Hidekazu Yokote
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	222.014.239.897	227.608.365.410
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(1.350.109.930)	(856.273.731)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	220.664.129.967	226.752.091.679
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(159.013.935.003)	(167.976.688.066)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		61.650.194.964	58.775.403.613
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	726.384.635	248.327.749
22	7. Chi phí tài chính	20	(224.039.643)	(1.970.349.616)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(135.788.837)	(1.854.584.267)
25	8. Chi phí bán hàng	19	(22.780.509.638)	(24.927.985.481)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(12.209.285.642)	(11.467.982.982)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		27.162.744.676	20.657.413.283
31	11. Thu nhập khác	21	506.050.474	23.594.763
32	12. Chi phí khác	21	(211.872.670)	(110.038.228)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	21	294.177.804	(86.443.465)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.456.922.480	20.570.969.818
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(5.850.674.779)	(5.030.475.285)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23.3	(19.741.355)	(62.519.556)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		21.586.506.346	15.477.974.977

Lê Quý Tân
Người lập

Cao Trí Dũng
Kế toán trưởng

Hidekazu Yokote
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.456.922.480	20.570.969.818
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9, 10	7.415.000.654	7.424.417.797
03	Các khoản dự phòng		1.019.385.180	253.663.568
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(90.925.231)	(43.771.298)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.086.587.480)	(91.338.662)
06	Chi phí lãi vay	20	135.788.837	1.854.584.267
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		34.849.584.440	29.968.525.490
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(5.932.396.749)	12.772.515.809
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(548.778.095)	12.028.176.578
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		6.899.039.288	(3.788.911.213)
12	Giảm chi phí trả trước		806.737.738	1.904.708.770
14	Tiền lãi vay đã trả		(135.788.837)	(1.854.584.267)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(5.826.290.738)	(5.057.990.527)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.041.515.748)	(3.895.173.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		27.070.591.299	42.077.267.140
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(1.253.210.909)	(4.500.426.220)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		245.454.545	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.321.750.000	4.212.475.000
27	Lãi tiền gửi và cổ tức nhận được		355.204.322	73.853.662
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		2.669.197.958	(214.097.558)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	15	12.546.276.163	103.119.351.096
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	15	(23.772.455.186)	(133.911.548.284)
36	Cổ tức đã trả	16.2	(4.650.000.000)	(8.383.728.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(15.876.179.023)	(39.175.925.188)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		13.863.610.234	2.687.244.394
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.632.461.803	11.899.894.859
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		97.044.346	45.322.550
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	28.593.116.383	14.632.461.803



Lê Quý Tân
Người lập



Cao Trí Dũng
Kế toán trưởng





Hidekazu Yokote
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 ("Công ty"), tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 789/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ và chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103000613 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 24 tháng 9 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và cho thuê văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 601 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 339 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 343).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	7 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	35 năm
----------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng cho việc giảm giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	855.250.778	342.144.993
Tiền gửi ngân hàng	10.676.948.938	14.290.316.810
Các khoản tương đương tiền	17.060.916.667	-
TỔNG CỘNG	28.593.116.383	14.632.461.803

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng		
Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	2.000.410.241	-
Công ty TNHH Dược Phẩm Thái Tú	-	2.738.605.485
Các khách hàng khác	27.229.541.986	21.865.872.923
TỔNG CỘNG	29.229.952.227	24.604.478.408
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.166.211.178)	(1.519.223.946)
GIÁ TRỊ THUẦN	27.063.741.049	23.085.254.462

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.519.223.946	1.284.218.125
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.393.875.451	407.325.314
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(746.888.219)	(172.319.493)
Số cuối năm	2.166.211.178	1.519.223.946

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	301.225.270	250.148.969
Ký quỹ, ký cược	234.746.431	200.104.227
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 24)	176.503.226	105.728.284
Phải thu khác	175.550.423	311.918.971
TỔNG CỘNG	888.025.350	867.900.451
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(267.339.270)	(241.918.971)
GIÁ TRỊ THUẦN	620.686.080	625.981.480

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	241.918.971	252.845.495
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	25.420.299	
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(10.926.524)
Số cuối năm	267.339.270	241.918.971

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	16.521.472.903	17.185.863.888
Nguyên liệu, vật liệu	15.600.652.742	16.250.580.331
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.150.777.195	2.842.312.731
Hàng đang đi trên đường	1.479.765.278	851.142.600
Hàng hóa	62.411.605	128.435.273
Công cụ, dụng cụ	7.267.138	16.300.424
TỔNG CỘNG	37.822.346.861	37.274.635.247
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(648.445.453)	(248.373.476)
GIÁ TRỊ THUẦN	37.173.901.408	37.026.261.771

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	248.373.476	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	648.445.453	248.373.476
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(248.373.476)	-
Số cuối năm	648.445.453	248.373.476

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	40.863.267.763	66.784.659.104	6.157.217.647	2.609.642.378	116.414.786.892
Mua trong năm	-	654.040.000	-	71.970.909	726.010.909
Xây dựng dở dang cơ bản hoàn thành	-	1.790.000.000	-	-	1.790.000.000
Chuyển tài sản để góp vốn (Thuyết minh số 27)	(1.419.761.500)	-	-	-	(1.419.761.500)
Thanh lý, nhượng bán	-	(176.291.818)	(598.014.286)	(95.545.265)	(869.851.369)
Số cuối năm	39.443.506.263	69.052.407.286	5.559.203.361	2.586.068.022	116.641.184.932
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	1.386.715.473	22.461.245.603	2.916.664.373	1.726.599.878	28.491.225.327
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	9.901.930.227	47.554.641.803	4.188.208.364	2.045.595.797	63.690.376.191
Khấu hao trong năm	1.494.295.682	5.264.098.032	405.069.588	133.059.990	7.296.523.292
Chuyển tài sản để góp vốn (Thuyết minh số 27)	(884.921.998)	-	-	-	(884.921.998)
Thanh lý, nhượng bán	-	(176.291.818)	(598.014.286)	(95.545.265)	(869.851.369)
Số cuối năm	10.511.303.911	52.642.448.017	3.995.263.666	2.083.110.522	69.232.126.116
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	30.961.337.536	19.230.017.301	1.969.009.283	564.046.581	52.724.410.701
Số cuối năm	28.932.202.352	16.409.959.269	1.563.939.695	502.957.500	47.409.058.816
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp	606.613.238	-	-	-	606.613.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.901.596.939	659.817.040	7.561.413.979
Chuyển tài sản để góp vốn (Thuyết minh số 27)	(3.227.503.000)	-	(3.227.503.000)
Số cuối năm	3.674.093.939	659.817.040	4.333.910.979
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	975.756.562	478.490.226	1.454.246.788
Hao mòn trong năm	18.764.553	95.459.544	114.224.097
Chuyển tài sản để góp vốn (Thuyết minh số 27)	(994.521.115)	-	(994.521.115)
Số cuối năm	-	573.949.770	573.949.770
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.925.840.377	181.326.814	6.107.167.191
Số cuối năm	3.674.093.939	85.867.270	3.759.961.209

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm	5.901.321.000
Chuyển tài sản để góp vốn (Thuyết minh số 27)	(2.233.436.900)
Số cuối năm	3.667.884.100
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã khấu hao hết</i>	2.824.467.900
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	5.548.299.935
Khấu hao trong năm	4.253.265
Chuyển tài sản để góp vốn (Thuyết minh số 27)	(2.233.436.900)
Số cuối năm	3.319.116.300
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	353.021.065
Số cuối năm	348.767.800

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế, Ban Tổng Giám Đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

11.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán		
Công ty TNHH MTV Hoài Phương	1.520.720.880	-
Shine Resouces Ltd	704.362.259	-
Công ty Cổ phần Bao bì ATP	642.851.000	1.048.241.920
MEGGLE USA, Inc.	640.704.000	848.610.000
Phải trả người bán khác	1.819.033.884	803.678.147
TỔNG CỘNG	5.327.672.023	2.700.530.067

11.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước		
Công ty TNHH Dược Phẩm Song Việt	598.101.000	-
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Mặt Trời Mới	496.119.627	-
Công ty TNHH Dược Phẩm Như Ngọc	365.872.500	-
Công ty TNHH Dược Phẩm Thái Tú	254.205.000	-
Công ty Cổ phần Huỳnh Tấn	242.970.353	-
Strike Management Consultants Pte. Ltd	454.400.000	-
Khác	400.765.167	245.003.417
TỔNG CỘNG	2.812.433.647	245.003.417

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.297.001.115	5.850.674.779	(5.826.290.738)	1.321.385.156
Thuế thu nhập cá nhân	272.445.903	1.160.346.037	(1.191.542.097)	241.249.843
Thuế giá trị gia tăng	299.884.336	11.600.360.950	(11.900.245.286)	-
TỔNG CỘNG	1.869.331.354	18.611.381.766	(18.918.078.121)	1.562.634.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng	416.427.752	509.939.636
Thưởng hiệu quả	267.046.632	89.875.941
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	130.000.000	100.000.000
Chi phí khác	90.983.375	-
TỔNG CỘNG	904.457.759	699.815.577

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	500.000.000	-
Khác	652.540.040	446.051.280
	1.152.540.040	446.051.280

15. VAY NGẮN HẠN

	VND			
	Số đầu năm	Vay	Trả nợ vay	Số cuối năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	11.226.179.023	12.546.276.163	(23.772.455.186)	-

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VND
Năm trước					
Số đầu năm	46.500.000.000	24.195.000.000	11.200.599.541	31.135.716.759	113.031.316.300
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	15.477.974.977	15.477.974.977
Thù lao Hội đồng Quản trị và	-	-	-	(1.018.865.348)	(1.018.865.348)
Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.904.544.803)	(2.904.544.803)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	3.242.596.044	(3.242.596.044)	-
Trích lập quỹ	-	-	-	(5.580.000.000)	(5.580.000.000)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-
Số cuối năm	46.500.000.000	24.195.000.000	14.443.195.585	33.867.685.541	119.005.881.126
Năm nay:					
Số đầu năm	46.500.000.000	24.195.000.000	14.443.195.585	33.867.685.541	119.005.881.126
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	21.586.506.346	21.586.506.346
Thù lao Hội đồng Quản trị và	-	-	-	(735.000.000)	(735.000.000)
Ban Kiểm soát	-	-	-	(4.107.354.255)	(4.107.354.255)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	2.321.696.247	(2.321.696.247)	-
Trích lập quỹ	-	-	-	(4.650.000.000)	(4.650.000.000)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-
Số cuối năm	46.500.000.000	24.195.000.000	16.764.891.832	43.640.141.385	131.100.033.217

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm và cuối năm	46.500.000.000	46.500.000.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức đã công bố	4.650.000.000	5.580.000.000
Cổ tức đã trả	4.650.000.000	8.383.728.000

16.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	4.650.000	46.500.000.000	4.650.000	46.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	4.650.000	46.500.000.000	4.650.000	46.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.650.000	46.500.000.000	4.650.000	46.500.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.

16.4 Vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Zeria Pharmaceutical Co., Ltd	3.622.070	36.220.700.000	2.278.500	22.785.000.000
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	697.500	6.975.000.000	697.500	6.975.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	-	-	766.125	7.661.250.000
Cổ đông khác	330.430	3.304.300.000	907.875	9.078.750.000
TỔNG CỘNG	4.650.000	46.500.000.000	4.650.000	46.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	222.014.239.897	227.608.365.410
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	221.628.398.251	221.009.717.953
Doanh thu khác	385.841.646	6.598.647.457
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	(1.350.109.930)	(856.273.731)
Doanh thu thuần	220.664.129.967	226.752.091.679

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi	340.387.322	51.611.162
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	253.750.000	17.485.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	117.430.313	156.989.087
Cổ tức được chia	14.817.000	22.242.500
TỔNG CỘNG	726.384.635	248.327.749

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn của thành phẩm	158.465.805.061	162.595.232.871
Giá vốn khác	548.129.942	5.381.455.195
TỔNG CỘNG	159.013.935.003	167.976.688.066

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí bán hàng	22.780.509.638	24.927.985.481
Chi phí nhân viên	11.469.509.223	10.580.101.171
Chi phí hoa hồng	3.254.316.849	3.981.236.463
Chi phí vận chuyển	2.176.884.293	2.816.249.457
Chi phí khác	5.879.799.273	7.550.398.390
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.209.285.642	11.467.982.982
Chi phí nhân viên	5.381.615.319	5.015.269.019
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.888.358.873	2.561.089.508
Chi phí trợ cấp thôi việc	1.297.866.672	1.129.560.795
Chi phí khác	3.641.444.778	2.762.063.660

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	135.788.837	1.854.584.267
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	88.250.806	115.765.349
TỔNG CỘNG	224.039.643	1.970.349.616

21. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

		VND
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	506.050.474	23.594.763
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	245.454.545	-
Lãi do đánh giá lại tài sản góp vốn (Thuyết minh số 27)	232.178.613	-
Khác	28.417.316	23.594.763
Chi phí khác	(211.872.670)	(110.038.228)
Tiền phạt	(147.299.399)	(73.789.852)
Khác	(64.573.271)	(36.248.376)
GIÁ TRỊ THUẦN	294.177.804	(86.443.465)

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.997.215.893	109.396.150.190
Chi phí nhân công	42.766.105.337	39.941.922.674
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	10.333.944.177	8.816.198.949
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8, 9 và 10)	7.415.000.654	7.424.417.797
Chi phí khác	23.501.024.001	29.846.625.876
TỔNG CỘNG	197.013.290.062	195.425.315.486

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế (năm 2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.850.674.779	5.030.475.285
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	19.741.355	62.519.556
TỔNG CỘNG	5.870.416.134	5.092.994.841

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.456.922.480	20.570.969.818
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2015: 22%)	5.491.384.496	4.525.613.360
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	381.995.038	568.092.340
Cổ tức được chia	(2.963.400)	(4.893.350)
Thay đổi tài sản thuế hoãn lại do thuế suất	-	4.182.491
Chi phí thuế TNDN	5.870.416.134	5.092.994.841

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

23.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Trợ cấp thôi việc phải trả	40.481.891	51.100.759	(10.618.868)	(53.243.701)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(18.398.342)	(9.275.855)	(9.122.487)	(9.275.855)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	22.083.549	41.824.904		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			(19.741.355)	(62.519.556)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Zeria Pharmaceutical Co., Ltd	Công ty mẹ	Chi hộ Chia cổ tức	1.127.008.876 2.278.500.000	267.258.588 -

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản phải thu với bên liên quan như sau:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Phải thu ngắn hạn khác				
Zeria Pharmaceutical Co., Ltd	Công ty mẹ	Chi hộ	<u>176.503.226</u>	<u>105.728.284</u>

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

			VND	
			Năm nay	Năm trước
Lương, thù lao và thưởng			<u>2.799.430.435</u>	<u>4.511.099.332</u>

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất tại Thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

			VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm			294.177.804	1.051.718.000
Từ 1 đến 5 năm			3.976.896.000	4.206.872.000
Trên 5 năm			<u>24.543.525.962</u>	<u>26.233.209.000</u>
TỔNG CỘNG			<u>28.814.599.766</u>	<u>31.491.799.000</u>

26. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

			Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)			<u>119.158</u>	<u>136.595</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

27. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2015 ngày 23 tháng 4 năm 2015, các cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua tờ trình của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") về việc hợp tác với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim ("Nguyễn Kim") để thành lập các công ty đầu tư, kinh doanh các khu đất mà Công ty đang quản lý và sử dụng. Theo đó, Công ty sẽ góp không quá 20% tỷ lệ sở hữu của các công ty này bằng tiền, các quyền sử dụng đất (bao gồm quyền thuê đất trả tiền hàng năm và tiền thuê đất đã nộp) và các tài sản trên đất.

Vào ngày 1 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký kết các Hợp đồng hợp tác với Nguyễn Kim về việc thành lập bốn công ty đầu tư sau:

<i>Công ty</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Phát triển Duy Tân ("Duy Tân")	0,2%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phúc Đạt ("Phúc Đạt")	2,9%
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bình Hòa	0,8%
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Phúc Điền	0,2%

Vào ngày 20 tháng 9 năm 2016, Công ty đã ký kết các Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp với Nguyễn Kim để chuyển nhượng các phần vốn góp trong các công ty đầu tư nói trên theo điều khoản của các Hợp đồng hợp tác.

Cho đến ngày của báo cáo tài chính này, Công ty đã hoàn tất thủ tục góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất vào Duy Tân và Phúc Đạt. Đồng thời, Công ty cũng đã hoàn thành việc chuyển nhượng các khoản đầu tư góp vốn vào Duy Tân và Phúc Đạt cho Nguyễn Kim với tổng giá trị chuyển nhượng là 3.000.000.000 VND.

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.



Lê Quý Tân
Người lập



Cao Trí Dũng
Kế toán trưởng



Hidekazu Yokote
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2017